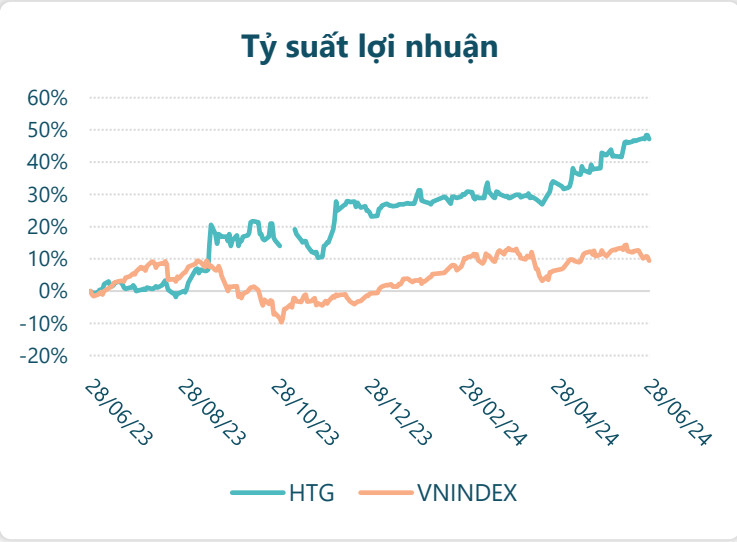


Ngày	35,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.2%	14.2%	16.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,260
Số lượng CPLH (CP)	36,002,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,270
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.30
EPS	5,723
P/E	6.1



Doanh thu thuần
Q2/24

1,094

tỷ VNĐ

QoQ: ▼85.0 | -7.2%

YoY: ▲54.0 | 5.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

233%

YoY: +/-▲34.2%

LN gộp
Q2/24

151

tỷ VNĐ

QoQ: ▲39.0 | 35.0%

YoY: ▲61.7 | 69.4%

ROE (TTM)
Q2/24

24.5%

YoY: +/-▲5.6%

LN trước thuế
Q2/24

87.3

tỷ VNĐ

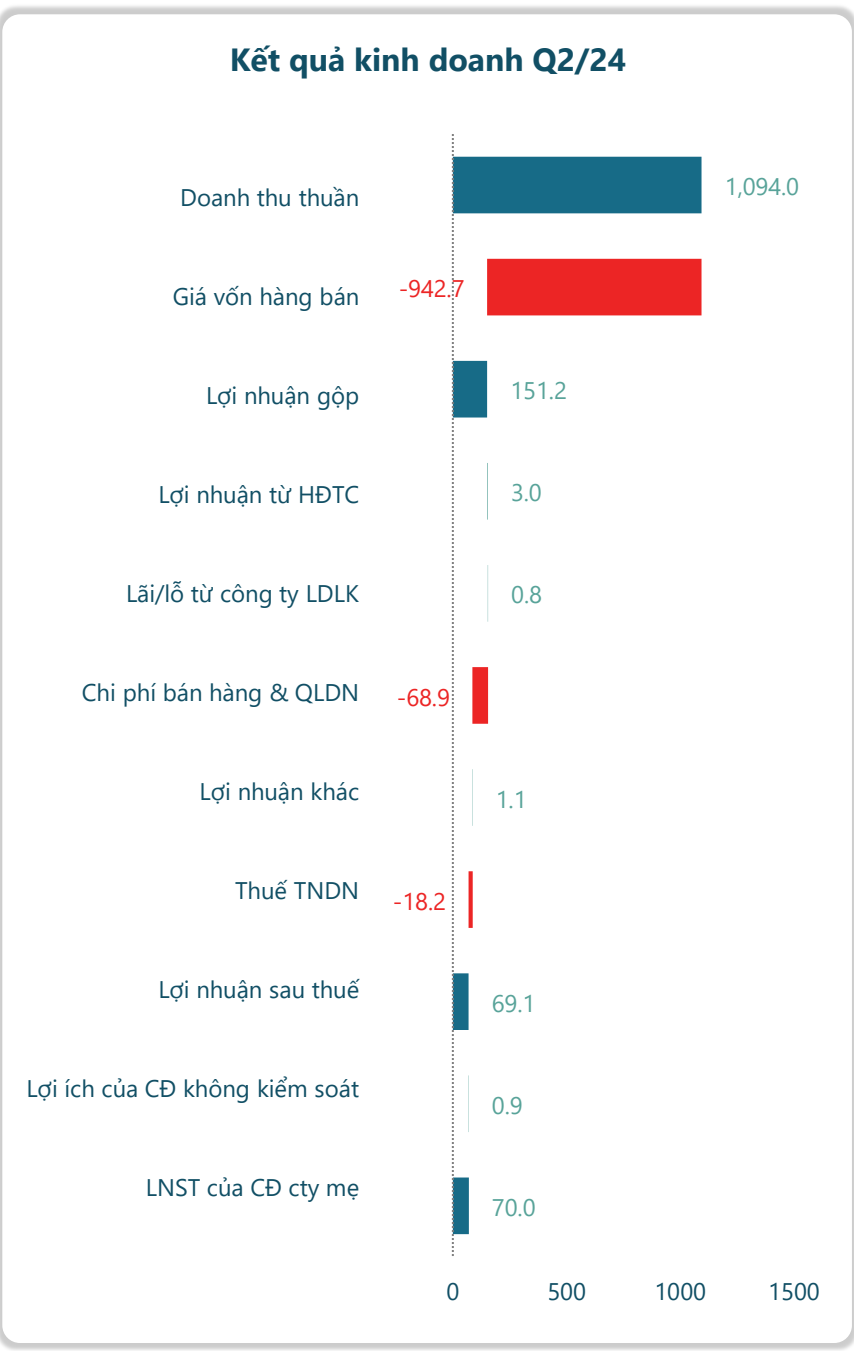
QoQ: ▲32.0 | 57.9%

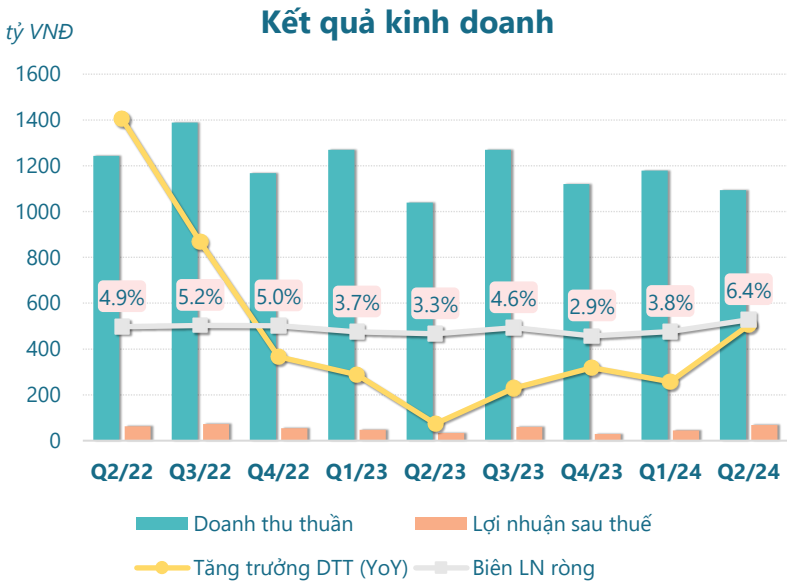
YoY: ▲43.8 | 101%

ROA (TTM)
Q2/24

7.9%

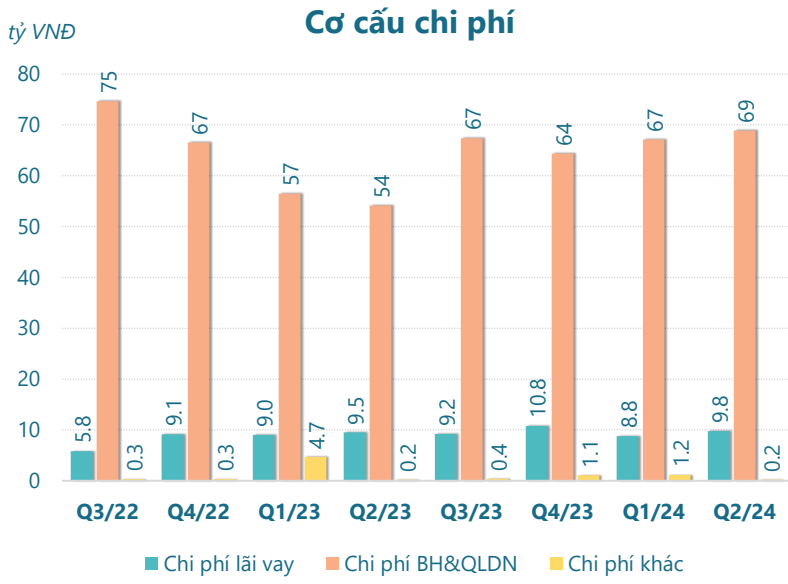
YoY: +/-▲0.8%





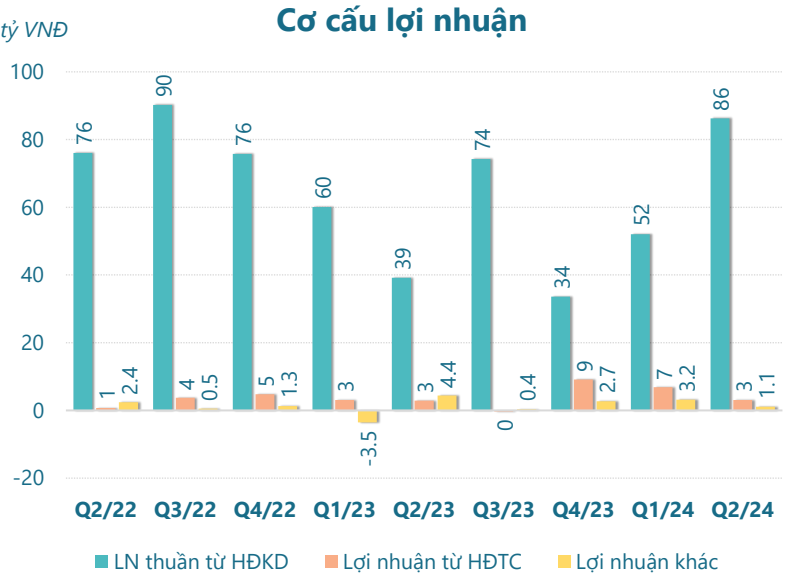
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 86.21 tỷ đồng**, tăng thêm 65.6% so với kỳ trước và cao hơn 120% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 3.04 tỷ đồng**, giảm đi 55.4% so với kỳ trước và cao hơn 6.67% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.09 tỷ đồng**, giảm đi 66.0% so với kỳ trước và thấp hơn 75.1% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HTG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,094 tỷ đồng** tăng thêm **5.19%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 69.07 tỷ đồng**, **tăng trưởng 104%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,273 tỷ đồng** thấp hơn 1.60% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 114.0 tỷ đồng** cao hơn 39.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **9.80 tỷ đồng** tăng thêm 11.9% so với kỳ trước và cao hơn 3.05% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **68.91 tỷ đồng** tăng thêm 2.67% so với kỳ trước và cao hơn 27.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.19 tỷ đồng** giảm đi 83.8% so với kỳ trước và thấp hơn 17.4% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,094	1,179	-7.2%	1,040	5.2%	2,273	2,310	-1.6%
Giá vốn hàng bán	943	1,067	-11.6%	951	-0.9%	2,010	2,108	-4.6%
Lợi nhuận gộp	151	112	35.0%	89.3	69.4%	263	202	30.2%
Doanh thu HĐTC	25.2	23.0	9.4%	19.6	28.4%	48.2	36.9	30.7%
Chi phí TC	22.1	16.2	36.6%	16.7	32.5%	38.3	30.9	23.9%
Chi phí lãi vay	9.80	8.76	11.8%	9.51	3.0%	18.6	18.5	0.2%
LN trong công ty LKLD	0.84	0.37	127%	1.12	-25.0%	1.21	1.83	-33.8%
Chi phí bán hàng	26.4	24.8	6.6%	18.4	43.7%	51.2	38.8	31.9%
Chi phí QLDN	42.5	42.3	0.4%	35.7	19.0%	84.8	71.8	18.1%
LN thuần từ HĐKD	86.2	52.1	65.5%	39.1	120%	138	99.2	39.3%
Lợi nhuận khác	1.09	3.21	-66.1%	4.38	-75.1%	4.30	0.88	389%
LN trước thuế	87.3	55.3	57.9%	43.5	101%	143	100	42.4%
Lợi nhuận sau thuế	69.1	44.6	54.9%	33.9	104%	114	81.6	39.4%
LNST của CĐ cty mẹ	70.0	45.1	55.2%	34.5	103%	115	81.8	40.8%

